



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên độc lập của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất

Kiểm toán • Kế toán • Tư vấn Thuế - Tài chính • Giải pháp quản lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN NHẸ
VIỄN
THÔNG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận
Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:0101135243
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.11.18
08:14:29
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2025.1.0

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11/10/2000 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31/05/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội). Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101135243), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/02/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LTC kể từ ngày 05/07/2019. Cổ phiếu của Công ty đã nhiều lần nhận thông báo bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom do vi phạm về công bố thông tin và lần gần nhất là Quyết định số 627/QĐ-SGDHN ngày 23/05/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 45.860.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024: 45.860.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 142 Phố Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0902.958.222
- Website: www.ltc.com.vn
- Email: vuonghuyen812@gmail.com

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện nhẹ Viễn thông

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 17 LK16 – Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 0%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Lamarr

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 142 Phố Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 0%.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Đinh Văn Bình	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Lương Quý Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Bùi Trung Liễn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Bà Vương Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/12/2023

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Hoàng Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Trần Ngọc Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/12/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Vương Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20/12/2023
• Ông Phạm Đức Thương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Vương Thị Thanh Huyền
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025



Số: 1149/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 14/11/2025 của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản mục:

- Tại ngày 31/12/2024, tiền mặt (số dư 2.522.519.225 đồng), hàng tồn kho (số dư 21.462.345.582 đồng), tài sản cố định (nguyên giá: 5.777.501.605 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 5.777.501.605 đồng) và bất động sản đầu tư (nguyên giá: 563.856.890 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 563.856.890 đồng) chưa được Công ty kiểm kê. Toàn bộ hàng tồn kho nêu trên đã tồn đọng từ nhiều năm trước và không được Công ty đánh giá để xác định dự phòng cần trích lập theo quy định. Kiểm toán viên không thể khắc phục được các hạn chế nêu trên do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Với tài liệu kế toán hiện có, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để xác định số liệu dự phòng cần phải trích lập đối với lượng hàng tồn kho.
- Toàn bộ nợ phải thu (số dư 196.513.417.812 đồng), tiền gửi ngân hàng (số dư 1.007.250.127 đồng) và nợ phải trả (số dư 64.323.236.358 đồng) chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2024. Hạn chế này kiểm toán viên không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Toàn bộ số nợ phải thu nêu trên đã tồn tại từ nhiều năm trước và là nợ khó đòi. Ngoài trừ một số khoản nợ được trích lập dự phòng với số tiền 14.636.739.099 đồng, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ còn lại. Dựa trên các tài liệu kế toán được cung cấp, kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên và số liệu dự phòng cần phải trích lập bổ sung.
- Ngoài các khoản nợ chưa được đối chiếu nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hiện ghi nhận tổng số nợ phải trả không rõ đối tượng tại ngày 31/12/2024 là 1.274.182.088 đồng. Đây là khoản nợ không biến động số dư, mang sang từ các năm trước. Do không được tiếp cận các tài liệu kế toán liên quan nên kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về khoản nợ phải trả này.
- Tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm 2024, số dư nợ gốc vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất lần lượt là 18.664.189.570 đồng và 9.965.128.531 đồng, số dư nợ lãi tương ứng là 1.443.729.466 đồng (xem mục (*) của Thuyết minh số 18). Các số dư nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2024. Hạn chế này chúng tôi cũng không thể

Trụ sở chính:

Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887

Chi nhánh:
Tầng 2, Số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Ngoài ra, Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ kế toán liên quan đến các khoản vay trên; Chi phí lãi vay tương ứng với các khoản vay này chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2020, 2021, 2022, 2023 và 2024.

Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đang hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông) theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021, giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 30/06/2021 là 19.250.792.540 đồng. Do không được cung cấp báo cáo tài chính năm 2021, năm 2022, năm 2023 và năm 2024 của Công ty nhận đầu tư này nên kiểm toán viên không thể xác định giá trị khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác có liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.
3. Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 6, trong tổng số dư tiền gửi ngân hàng chưa được xác nhận của Công ty tại ngày 31/12/2024 có 1.005.417.443 đồng là khoản tiền gửi mang tên đồng sở hữu của 2 cá nhân (Nguyễn Ngọc Thu và Phạm Đức Thương) thay vì mang tên Công ty. Việc ghi nhận tài sản với tên người sở hữu là cá nhân trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không phù hợp điều kiện ghi nhận tài sản của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
4. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trong tổng chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 với số tiền là 63.468.021.723 đồng đã bao gồm 39.724.170.464 đồng là chi phí trích trước đã ghi nhận vào giá vốn xây lắp các năm trước đây. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính đúng đắn của số chi phí trích trước này.
5. Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, trong tổng số thuế phải nộp tại 31/12/2024 có 19.415.636.367 đồng là số phải nộp của Công ty mẹ. Tuy nhiên, theo Quyết định số 107973/QĐ-CTHN-QLT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với trụ sở chính Công ty với lý do có số tiền thuế nợ quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế và Thông báo số 69921/TB-TSC6 ngày 09/10/2025 của Thuế cơ sở 6 Thành phố Hà Nội về tình hình nợ thuế của doanh nghiệp thì số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp quá hạn bị cưỡng chế của Công ty mẹ tính đến ngày 30/09/2025 là 45.691.316.157 đồng, chênh lệch 26.275.679.790 đồng. Do giới hạn phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản phải nộp ngân sách nêu trên.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 “Giá định hoạt động liên tục”, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Ngày 17/12/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 107973/QĐ-CTHN-QLT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với trụ sở chính Công ty với lý do có số tiền thuế nợ quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế là 38.703.220.015 đồng, tính đến ngày 30/09/2025 là 45.691.316.157 đồng (theo Thông báo số 69921/TB-TSC6 ngày 09/10/2025). Ngoài ra, hầu hết các khoản nợ phải thu của Công ty quá hạn nhiều năm chưa thu hồi được, hàng tồn kho không thực hiện được nhiều năm qua và các khoản nợ phải trả cũng quá hạn thanh toán. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.




Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2025


Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.299.300.106	195.686.524.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	3.642.020.481	3.790.347.058
1. Tiền	111		3.642.020.481	3.790.347.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.063.110.654	170.314.926.244
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	89.489.194.247	77.745.077.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	23.725.095.533	23.725.055.533
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	83.299.168.032	83.295.140.338
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.636.739.099)	(14.636.739.099)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186.391.941	186.391.941
IV. Hàng tồn kho	140	10	21.462.345.582	21.462.345.582
1. Hàng tồn kho	141		21.462.345.582	21.462.345.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.823.389	118.905.743
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		127.006.230	114.088.584
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.817.159	4.817.159
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.336.562.536	20.328.792.540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
- Nguyên giá	222		5.862.501.605	5.862.501.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.862.501.605)	(5.862.501.605)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	12	-	-
- Nguyên giá	231		563.856.890	563.856.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(563.856.890)	(563.856.890)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	20.328.792.540	20.328.792.540
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.250.792.540	19.250.792.540
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.675.000.000	1.675.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(597.000.000)	(597.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.769.996	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.769.996	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.635.862.642	216.015.317.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. Nợ phải trả	300		191.030.287.051	177.801.363.691
I. Nợ ngắn hạn	310		191.030.287.051	177.801.363.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	24.960.168.743	14.331.916.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	4.054.789.033	4.054.789.033
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	19.590.375.605	19.449.771.095
4. Phải trả người lao động	314		2.585.349.944	1.746.566.483
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	63.468.021.723	61.884.320.790
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	36.788.705.480	36.755.623.086
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	39.543.818.101	39.539.318.101
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.058.422	39.058.422
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.605.575.591	38.213.953.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	36.605.575.591	38.213.953.476
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	4.913.796.070	4.913.796.070
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	2.801.281.768	2.801.281.768
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(17.193.333.895)	(15.350.339.304)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.350.339.304)	(15.858.800.179)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.842.994.591)	508.460.875
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		223.831.648	(10.785.058)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.635.862.642	216.015.317.167

Tổng Giám đốc


Vương Thị Thanh Huyền
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Người lập biểu

Phan Thị Việt Hà

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN


Lê Thị Hồng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	16.626.882.899	2.402.777.778
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		16.626.882.899	2.402.777.778
4. Giá vốn hàng bán	11	23	15.589.418.681	2.370.370.371
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		1.037.464.218	32.407.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	118.290	51.037.846
7. Chi phí tài chính	22	25	1.583.700.933	3.462.220.118
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.583.700.933	3.462.220.118
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.584.810.457	1.071.146.427
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.130.928.882)	(4.449.921.292)
12. Thu nhập khác	31	27	1.399.291	6.383.260.658
13. Chi phí khác	32		848.294	152.052.987
14. Lợi nhuận khác	40		550.997	6.231.207.671
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.130.377.885)	1.781.286.379
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	1.276.652.132
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.130.377.885)	504.634.247
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(2.375.462.449)	508.460.875
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		245.084.564	(3.826.628)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(518)	111
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	(518)	111



Tổng Giám đốc

Vương Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Người lập biểu

Phan Thị Việt Hà

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Lê Thị Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.130.377.885)	1.781.286.379
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		-	51.124.198
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(118.290)	(6.434.298.504)
- Chi phí lãi vay	06	25	1.583.700.933	3.462.220.118
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(546.795.242)	(1.139.667.809)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.757.102.056)	2.241.829.928
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.640.722.427	(5.380.775)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.769.996)	5.598.785
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(52.166.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(670.944.867)	1.050.214.033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	13.788.800.000
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		518.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	118.290	51.037.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		518.118.290	13.839.837.846
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	9.500.000	196.048.180
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(5.000.000)	(14.736.048.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.500.000	(14.540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(148.326.577)	350.051.879
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	6	3.790.347.058	3.440.295.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	6	3.642.020.481	3.790.347.058


Tổng Giám đốc

Vương Thị Thanh Huyền
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Người lập biểu


Phan Thị Việt Hà

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN


Lê Thị Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời
với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11/10/2000 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31/05/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội). Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101135243), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/02/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LTC kể từ ngày 05/07/2019. Cổ phiếu của Công ty đã nhiều lần nhận thông báo bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom do vi phạm về công bố thông tin và lần gần nhất là Quyết định số 627/QĐ-SGDHN ngày 23/05/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có hai công ty con là Công ty CP Đầu tư Điện nhệ Viễn thông và Công ty CP Công nghệ Lamarr và một công ty liên kết là Công ty CP Cáp và Thiết bị Viễn thông.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện nhệ Viễn thông (LTCI)

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 17 LK16 – Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 0%.

Công ty đã thanh toán 1.700.000 đồng cho các cổ đông khác để mua lại quyền góp 98% vốn vào LTCI. Trong năm 2024, Công ty đã bán lại quyền góp 47% vốn vào LTCI với số tiền 4.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa góp vốn vào LTCI và còn nắm giữ quyền góp 51% vốn vào LTCI.

Công ty Cổ phần Công nghệ Lamarr

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 142 Phố Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 0%.

Công ty cam kết góp 51% vốn vào Công ty CP Công nghệ Lamarr (tương ứng 255.000 cổ phần, 2.550.000.000 đồng). Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thực hiện góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngày 17/12/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 107973/QĐ-CTHN-QLT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với trụ sở chính Công ty mẹ với lý do có số tiền thuế nợ quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế là 38.703.220.015 đồng, tính đến ngày 15/08/2024 là 45.027.874.102 đồng (theo Thông báo số 69921/TB-TCS6 ngày 09/10/2025). Ngoài ra, hầu hết các khoản nợ phải thu của Công ty quá hạn nhiều năm chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả cũng quá hạn thanh toán. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Công ty có thể sẽ không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Để khắc phục tình trạng này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn vào công ty liên kết theo Nghị quyết số 01/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần;
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và sửa đổi điều lệ của Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh;
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tạo doanh thu và ủy quyền cho Xí nghiệp Điện nhẹ Viễn thông I thực hiện;
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong các năm tài chính tiếp theo. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

5.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình xây lắp được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

5.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê theo hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trạm BTS	10

5.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

5.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

5.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

5.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

5.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

5.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

5.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

5.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

5.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với các sản phẩm là các thiết bị giám sát, thanh chắn tự động, gờ giảm tốc; các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành. Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với các sản phẩm là thanh chắn tự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

động, gờ giảm tốc căn cứ theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	2.527.203.173	2.678.919.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.114.817.308	1.111.427.658
Cộng	3.642.020.481	3.790.347.058

(*) Trong đó số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2024 mang tên Nguyễn Ngọc Thu và Phạm Đức Thương là 1.005.417.443 đồng hiện chưa được đối chiếu, xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Ban điều hành gói thầu PK 2	22.136.337.381	22.136.337.381
BQL Dự án tỉnh Thái Nguyên	6.849.327.185	6.849.327.185
Thầu TK và XD công trình GS	9.352.190.099	9.352.190.099
Viễn thông Thái Bình	3.969.023.728	-
Công ty CP COKYVINA (*)	7.372.543.018	-
Các đối tượng khác	39.809.772.836	39.407.222.866
Cộng	89.489.194.247	77.745.077.531

(*) Theo Biên bản thỏa thuận ba bên số 1012/2024/CKV-LTCI-HC ngày 10/12/2024, giữa Công ty CP COKYVINA, Công ty và Công ty CP Hùng Chiến: COKYVINA có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty 12.400.695.285 đồng, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Hùng Chiến là 12.003.653.937 đồng; COKYVINA có trách nhiệm thanh toán cho Hùng Chiến số tiền là 8.087.839.795 đồng, số tiền này sẽ được bù trừ vào số tiền mà COKYVINA phải thanh toán cho Công ty, số tiền bù trừ này chia làm 2 lần (lần 1 là 1.263.580.062 đồng và lần 2 là 6.314.259.733 đồng trong khoản thời gian từ ngày 05/12/2024 đến ngày 31/12/2024). Đến ngày 31/12/2024, sổ kế toán Công ty mới chỉ bù trừ công nợ phải thu phải trả 3 bên với số tiền 1.263.580.062 đồng.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Luxe Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	16.717.025.101	16.717.025.101
Các đối tượng khác	5.508.070.432	5.508.030.432
Cộng	23.725.095.533	23.725.055.533

9. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	62.445.182.660	-	62.445.182.660	-
Ký quỹ, ký cược	17.920.000	-	17.920.000	-
Các khoản phải thu khác	20.836.065.372	11.770.935.724	20.832.037.678	11.770.935.724
Cộng	83.299.168.032	11.770.935.724	83.295.140.338	11.770.935.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.044.178.978	-	3.044.178.978	-
Chi phí SX, KD dở dang	18.418.166.604	-	18.418.166.604	-
Cộng	21.462.345.582	-	21.462.345.582	-

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.462.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	5.862.501.605
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.462.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	5.862.501.605
Khấu hao					
Số đầu năm	2.462.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	5.862.501.605
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.462.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	5.862.501.605
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.862.501.605 đồng.

Tại ngày 31/12/2024, các TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao bao gồm: xe Toyota Land Cruiser Prado (nguyên giá: 2.134.900.000 đồng) và máy đào bánh xích KOMATSU (nguyên giá: 1.545.454.545 đồng), hiện đang thế chấp để đảm bảo khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Thăng Long. Ngoài ra, không có TSCĐ hữu hình nào khác dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Tram BTS	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	563.856.890	563.856.890
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	563.856.890	563.856.890
Khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	563.856.890	563.856.890
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	563.856.890	563.856.890
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số đánh giá lại cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	31/12/2024		01/01/2024
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông	Đang hoạt động	49,53%	1.981.340	19.250.792.540	19.250.792.540
Cộng				19.250.792.540	19.250.792.540

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	31/12/2024		01/01/2024	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Cadico (i)	Đang hoạt động	10.684	1.078.000.000	-	1.078.000.000	-
- Công ty CP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông (ii)	Đang hoạt động	59.700	597.000.000	597.000.000	597.000.000	597.000.000
Cộng			1.675.000.000	597.000.000	1.675.000.000	597.000.000

(i) Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

(ii) Công ty không thu thập được các thông tin về công ty nhận đầu tư và Ban lãnh đạo Công ty xác định là không thể thu hồi được giá gốc của khoản đầu tư nên đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.769.996	-
Cộng	7.769.996	-

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Bùi Phương Huế	2.730.000.000	2.730.000.000
Công ty TNHH Cung cấp vật tư thiết bị xây dựng Minh Lê	2.200.000.000	2.200.000.000
Công ty TNHH Nam Phát	1.876.239.750	1.876.239.750
Công ty CP Hùng Chiến (*)	10.562.817.062	-
Các đối tượng khác	7.591.111.931	7.525.676.931
Cộng	24.960.168.743	14.331.916.681

(*) Xem Thuyết minh số 7.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Quản lý xây dựng Vincom1	765.604.271	765.604.271
Công ty CP Thiết kế XD & TM Hà Thành	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	370.000.000	370.000.000
Đối tượng khác	2.419.184.762	2.419.184.762
Cộng	4.054.789.033	4.054.789.033

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	8.882.008.205	136.604.510	-	-	9.018.612.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.786.809.980	-	-	-	8.786.809.980
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.131.345.767	-	-	-	1.131.345.767
Các loại thuế khác	4.817.159	20.000.000	6.000.000	2.000.000	4.817.159	24.000.000
Phí và lệ phí	-	629.607.143	-	-	-	629.607.143
Cộng	4.817.159	19.449.771.095	142.604.510	2.000.000	4.817.159	19.590.375.605

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(*) Trong tổng số thuế phải nộp tại ngày 31/12/2024 có 19.415.636.367 đồng là số phải nộp của Công ty mẹ. Tuy nhiên, theo Thông báo số 69921/TB-TCS6 ngày 09/10/2025 của Thuế cơ sở 6 Thành phố Hà Nội về việc tình hình nợ thuế của doanh nghiệp thì số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp quá hạn bị cưỡng chế tại Công ty mẹ là 45.691.316.157 đồng (tính đến ngày 30/09/2025), chênh lệch 26.275.679.790 đồng.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước giá vốn công trình xây lắp	39.724.170.464	39.724.170.464
Chi phí lãi vay, lãi chậm trả (*)	23.743.851.259	22.160.150.326
Cộng	63.468.021.723	61.884.320.790

(*) Trong đó lãi vay phải trả cho các khoản vay cá nhân và tổ chức khác tại ngày 31/12/2024 là 1.443.729.466 đồng.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	172.258.218	172.258.218
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	173.288.812	173.288.812
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.679.784.978	2.650.410.462
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.763.373.472	33.759.665.594
Cộng	36.788.705.480	36.755.623.086

20. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	39.539.318.101	9.500.000	5.000.000	39.543.818.101
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (*)				
Việt Nam-Chi nhánh Thăng Long	10.810.000.000	-	-	10.810.000.000
- Tổ chức khác	9.965.128.531	-	-	9.965.128.531
- Bà Vương Thị Thanh Huyền	100.000.000	4.500.000	-	104.500.000
- Ông Lương Quý Thăng	-	5.000.000	5.000.000	-
- Vay cá nhân khác	18.664.189.570	-	-	18.664.189.570
Cộng	39.539.318.101	9.500.000	5.000.000	39.543.818.101

(*) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng khung ước vay, thời hạn vay dưới 12 tháng. Hiện tại khoản vay đã quá hạn thanh toán.

- TSCĐ hữu hình của Công ty bao gồm: xe ô tô Toyota Land Cruiser Prado biển kiểm soát 29A-656.59 và Máy đào bánh xích KOMATSU;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

• Tài sản của bên thứ ba bao gồm:

- ✓ Căn hộ chung cư số 805, tầng 8, chung cư CT5C, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và QSD đất ở số BN 297412) của ông Lương Quý Thăng (Thành viên HĐQT Công ty).) Xe ô tô tải Pickup cabin kép Mazda BT50, biển kiểm soát 29C-523.25 theo HĐTC tài sản của bên thứ 3 số 1786/2016/HĐTC, Quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2016 (của Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Minh Hải);
- ✓ Căn hộ chung cư số 208 – Nhà CT3B vị trí X2 Bắc Linh Đàm mở rộng, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất số ADD 518557, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: Số GCN: 01407.1755/QĐ-UB do UBND Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 15/09/2006) theo HĐCT bằng bất động sản của bên thứ ba số 1749/2016/HĐTC, Quyền số 09/TB/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2016 (của ông Nguyễn Anh Tuấn và vợ là bà Trần Thị Phương Mai);
- ✓ Căn hộ chung cư số 202, nhà D2, Tập thể Thành công, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất số, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 263449, Sổ vào sổ cấp GCN: CS-BĐ 00460 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 10/12/2015) theo HĐTC bằng bất động sản số 525, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/09/2013 (của ông Lê Tài Năm và bà Trần Thị Loan);
- ✓ Căn hộ chung cư số 1512, CT4A1, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất số, QSH nhà ở và QSD đất ở số 10123290402, Hồ sơ gốc số 4212.2004.QĐUB/14607.2004 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 08/07/2004, được đăng ký thay đổi ngày 24/12/2004 tại Sở Tài nguyên và Môi trường và Nhà đất Hà Nội) theo HĐTC bằng bất động sản số 605, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2012 (của bà Nguyễn Ngọc Thu).

BIDV Thăng Long đã khởi kiện Công ty và được Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 30/2021/TLST-KDTM ngày 11/10/2021. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 59/2022/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội, Công ty có trách nhiệm thanh toán cho BIDV Thăng Long theo lộ trình còn lại như sau:

- Kỳ thứ ba: Chậm nhất đến ngày 30/06/2024, Công ty thanh toán cho BIDV Thăng Long số tiền 2.000.000.000 đồng;
- Kỳ thứ tư: Chậm nhất đến ngày 31/12/2024, Công ty thanh toán cho BIDV Thăng Long số tiền 3.000.000.000 đồng;
- Kỳ thứ năm: Chậm nhất đến ngày 30/06/2025, Công ty thanh toán cho BIDV Thăng Long số tiền 2.800.000.000 đồng;
- Kỳ thứ sáu: Chậm nhất đến ngày 31/12/2025, Công ty thanh toán cho BIDV Thăng Long số tiền 3.010.000.000 đồng.

Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đúng cam kết theo lộ trình. Đến ngày 12/08/2025, khoản nợ của Công ty được ông Lương Quý Thăng (Thành viên HĐQT Công ty) trả nợ gốc với số tiền 5.635.860.000 đồng. Như vậy, công ty chưa trả nợ kỳ thứ năm: 2.164.150.000 đồng (theo thỏa thuận là trả chậm nhất ngày 30/06/2025) và kỳ thứ sáu: 3.010.000.000 đồng (Chậm nhất đến ngày 31/12/2025).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Số dư tại 01/01/2023	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(15.858.800.179)	(6.958.430)
Tăng trong năm	-	-	-	508.460.875	(3.826.628)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(15.350.339.304)	(10.785.058)
Số dư tại 01/01/2024	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(15.350.339.304)	(10.785.058)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	532.467.858	(528.467.858)
Tăng trong năm	-	-	-	-	518.000.000
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(2.375.462.449)	245.084.564
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(17.193.333.895)	223.831.648

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 20/12/2024 đã thông qua phương án dùng toàn bộ thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù đắp lỗ lũy kế. Đến nay, Báo cáo tài chính chưa ghi nhận nghiệp vụ này.

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.586.000	4.586.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(15.350.339.304)	(15.858.800.179)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.375.462.449)	508.460.875
Điều chỉnh hợp nhất	532.467.858	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	(17.193.333.895)	(15.350.339.304)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	16.626.882.899	2.402.777.778
Cộng	<u>16.626.882.899</u>	<u>2.402.777.778</u>

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của bán hàng hóa	15.589.418.681	2.370.370.371
Cộng	<u>15.589.418.681</u>	<u>2.370.370.371</u>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.290	288.846
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	50.749.000
Cộng	<u>118.290</u>	<u>51.037.846</u>

25. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	1.583.700.933	3.462.220.118
Cộng	<u>1.583.700.933</u>	<u>3.462.220.118</u>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.148.840.000	780.493.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	51.124.198
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.505.955	206.405.953
Chi phí khác bằng tiền	53.464.502	29.123.092
Cộng	<u>1.584.810.457</u>	<u>1.071.146.427</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	6.383.260.658
Các khoản khác	1.399.291	-
Cộng	1.399.291	6.383.260.658

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.130.377.885)	1.781.286.379
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.588.441.310	3.567.692.767
Điều chỉnh tăng	1.584.441.310	3.618.441.767
+ Chi phí khấu hao bị loại trừ	-	4.457.508
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP	1.583.593.016	3.461.931.272
+ Các chi phí không được trừ khác	848.294	152.052.987
Điều chỉnh giảm	(4.000.000)	50.749.000
+ Hoàn nhập dự phòng đã trích lập	(815.306)	-
+ Lãi thanh lý đầu tư	(3.184.694)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	50.749.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(541.936.575)	5.348.979.146
+ Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	6.383.260.658
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(541.936.575)	(1.034.281.512)
Chuyển lỗ tại Công ty con	249.988.961	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.276.652.132
+ Từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.276.652.132
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.276.652.132

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(2.375.462.449)	508.460.875
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.375.462.449)	508.460.875
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.586.000	4.586.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(518)	111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	1.148.840.000	197.894.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	253.490.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.505.955	35.764.646
Chi phí khác bằng tiền	53.464.502	37.544.261
Cộng	1.584.810.457	524.693.324

31. Thỏa thuận sử dụng mặt bằng kinh doanh

- **Sử dụng chung mặt bằng tại số tầng 2, Lô E phố Hạ Yên Quyết, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội**

Theo Biên bản thỏa thuận đồng sử dụng chung văn phòng của Công ty và Công ty CP Đầu tư Điện nhệ Viễn thông vào ngày 01/01/2024, Công ty thỏa thuận đồng sử dụng diện tích văn phòng làm việc tại số Tầng 2, Lô E phố Hạ Yên Quyết, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- ❖ Thời hạn thuê: Từ ngày 01/01/2024 cho đến khi chấm dứt hợp đồng hoặc bên cho thuê thu hồi diện tích;
- ❖ Mục đích sử dụng: Sử dụng văn phòng làm việc.
- ❖ Diện tích sử dụng: 128,4m².

- **Sử dụng chung mặt bằng tại 142 Phố Định Công, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội**

Theo Biên bản thỏa thuận sử dụng một phần diện tích mặt bằng giữa Công ty và Công ty CP Công nghệ Lamarr vào ngày 23/08/2024, Công ty đã cho Công ty CP Công nghệ Lamarr mượn lại một phần mặt bằng để cùng khai thác và sử dụng tại địa chỉ số 142 Phố Định Công, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- ❖ Thời hạn mượn: Từ ngày 23/08/2024 đến ngày 23/08/2026;
- ❖ Mục đích mượn: Sử dụng làm trụ sở kinh doanh.

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào hoạt động thực tế tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như môi trường kinh tế cụ thể theo ngành nghề kinh doanh có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh buôn bán máy móc và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Hiện nay, tất cả các khoản vay của Công ty đã quá hạn thanh toán, lãi suất vay áp dụng là 150% mức lãi suất trong hạn. Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro lớn khi có biến động lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và dịch vụ mua ngoài. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hầu hết các khoản nợ của Công ty đều quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro lớn về khả năng thu hồi một số khoản nợ phải thu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Tại ngày 31/12/2024, tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với nợ phải trả tài chính. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.960.168.743	-	24.960.168.743
Chi phí phải trả	63.468.021.723	-	63.468.021.723
Vay và nợ thuê tài chính	39.543.818.101	-	39.543.818.101
Phải trả khác	33.936.662.284	-	33.936.662.284
Cộng	161.908.670.851	-	161.908.670.851

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.331.916.681	-	14.331.916.681
Chi phí phải trả	61.884.320.790	-	61.884.320.790
Vay và nợ thuê tài chính	39.539.318.101	-	39.539.318.101
Phải trả khác	33.932.954.406	-	33.932.954.406
Cộng	149.688.509.978	-	149.688.509.978

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.642.020.481	-	3.642.020.481
Đầu tư tài chính	-	1.078.000.000	1.078.000.000
Phải thu khách hàng	86.623.390.872	-	86.623.390.872
Phải thu khác	9.083.049.648	-	9.083.049.648
Cộng	99.348.461.001	1.078.000.000	100.426.461.001

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.790.347.058	-	3.790.347.058
Đầu tư tài chính	-	1.078.000.000	1.078.000.000
Phải thu khách hàng	74.879.274.156	-	74.879.274.156
Phải thu khác	9.079.021.954	-	9.079.021.954
Cộng	87.748.643.168	1.078.000.000	88.826.643.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư CMC	Ông Ngô Trọng Vinh là chủ tịch HĐQT
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông - Tín đường sắt - Xí nghiệp dịch vụ và xây dựng	Ông Ngô Trọng Vinh là chủ tịch HĐQT
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Thành viên HĐQT, TGD Công ty
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

		Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Đầu tư CMC	Mua dịch vụ	16.666.667	-
	Trả nợ vay	-	290.000.000
	Lãi vay	-	52.166.096
	Mua hàng	-	1.157.407.408
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông - Tín đường sắt - Xí nghiệp dịch vụ và xây dựng	Thuế tài sản	16.363.632	-
Ông Ngô Trọng Vinh	Vay	-	146.048.180
	Trả nợ vay	-	146.048.180
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Vay	4.500.000	50.000.000
	Trả nợ vay	-	50.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư CMC	Phải trả người bán	8.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông - Tín đường sắt - Xí nghiệp dịch vụ và xây dựng	Phải trả người bán	13.500.000	-
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Vay và nợ thuế tài chính	4.500.000	100.000.000

Tại ngày 31/12/2024, căn hộ chung cư số 805, tầng 8, chung cư CT5C, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và QSD đất ở số BN 297412) của Ông Lương Quý Thăng (Thành viên HĐQT Công ty) đang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

d. Thu nhập của thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ		Năm 2024	Năm 2023
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc	Lương	162.000.000	240.000.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Vương Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thường

Người lập biểu

Phan Thị Việt Hà

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Lê Thị Hồng

Trụ sở chính

Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dnv.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Thành viên độc lập của
PrimeGlobal